

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **314/2024/DS-PT**

Ngày: 17-6-2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*

Ông Phạm Văn Ngọt

*Các Thẩm phán:*

Ông Nguyễn Hữu Lương

Bà Phạm Thị Thu Trang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thảo Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1537/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 1869/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Ngô Thị B, sinh năm 1958; Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Hồng S, sinh năm 1997; Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre; (có mặt).

**- Bị đơn:** Bà Lê Thị Thúy D, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre; (bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Văn Lượm E, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre; (có mặt).

Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Lượm E.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### **Theo bản án sơ thẩm**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2023 của nguyên đơn bà Ngô Thị B, bản tự khai và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng S trình bày:*

Bà Ngô Thị B có tham gia chơi hai dây hụi do bà Lê Thị Thúy D làm chủ đầu thảo gồm:

- Dây 1: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 08/02/2020 (15/01/2020 Âm lịch), mãn vào ngày 15/12/2021 (Âm lịch), gồm 25 phần, bà B tham gia chơi 02 phần (trong giấy hụi ghi tên cô Hai S1, cô H chị S1), đóng được 22 tháng hụi sống (đến tháng 10/2021) số tiền 33.100.000 đồng. Bà D chưa giao cho bà B số tiền này.

- Dây 2: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 15/6/2020 (24/4sau/2020 Âm lịch), mãn vào ngày 24/4/2022 âm lịch, gồm 25 phần, bà B tham gia chơi 02 phần (trong giấy hụi ghi tên cô Hai S1, cô H chị S1), đóng được 18 tháng hụi sống (đến tháng 10/2021) số tiền 27.100.000 đồng. Bà D chưa giao cho bà B số tiền này.

Tổng cộng số tiền hụi bà B đã đóng cho bà D là 60.200.000 đồng.

Tháng 02/2022, bà D vỡ hụi mất khả năng thanh toán nên đến nay vẫn chưa thanh toán cho bà B số tiền này, nhiều lần bà B liên hệ bà D thu hồi số tiền trên nhưng bà D không hợp tác và thách thức đưa ra pháp luật giải quyết. Bà D chơi hụi có lời, chơi hụi để tạo ra nguồn thu, chi nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu, làm kinh tế gia đình. Vì vậy, bà D và chồng là ông Phạm Văn L Em có nghĩa vụ liên đới trả cho bà B số tiền hụi trên.

Nay bà Ngô Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam giải quyết buộc bà Lê Thị Thúy D và ông Phạm Văn L Em có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà B số tiền hụi 60.200.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 01/02/2022 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ kiện với mức lãi suất 0,83%/tháng.

*Bị đơn bà Lê Thị Thúy D và ông Phạm Văn L Em vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ngoài ra bà D còn từ chối cung cấp lời khai khi Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành lấy lời khai của bà tại nhà nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bà D và ông Lượm E.*

Do không hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam quyết định:

*Căn cứ vào các Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 468, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 4, các Điều 15, 18, 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, họ, họ, họ, họ, họ; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:*

*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Thị B về việc tranh chấp hợp đồng góp họ.*

*Buộc bà Lê Thị Thúy D và ông Phạm Văn L Em có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Ngô Thị B tổng số tiền nợ họ gốc và lãi là 72.791.000 đồng (Bảy mươi hai triệu bảy trăm chín mươi một nghìn đồng). Trong đó: Tiền nợ họ là 60.200.000 đồng (Sáu mươi triệu hai trăm nghìn đồng) và tiền lãi là 12.591.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm chín mươi một nghìn đồng).*

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

*Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.*

Ngày 21/03/2024; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn L Em kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận về nội dung buộc ông có nghĩa vụ liên đới cùng bà Lê Thị Thúy D hoàn trả tiền nợ hụi và tiền lãi cho bà Ngô Thị B.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:** ông Phạm Văn Lượm E giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ngô Thị B không đồng ý kháng cáo của ông Lượm E và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà Lê Thị Thúy D đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre triệu tập hợp lệ tham dự phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D là phù hợp theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ. Ông Phạm Văn L Em kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh tại phiên tòa phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử theo hướng: Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn Lượm E; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Phạm Văn Lượm E, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn L Em kháng cáo và gửi thủ tục kháng cáo hợp lệ trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn bà Lê Thị Thúy D đã được Tòa án

nhân dân tỉnh Bến Tre triệu tập họp lệ tham dự phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D là phù hợp theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Bà Ngô Thị B có tham gia hai dây hụi do bà Lê Thị Thúy D làm chủ hụi; số tiền hụi mà bà D hiện còn nợ bà B là 60.200.000 đồng. Bà B yêu cầu bà D phải trả tiền nợ hụi nêu trên và phải chịu tiền lãi của số tiền nợ hụi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 01/02/2022 (ngày vỡ hụi) cho đến ngày Tòa án xét xử. Xét thấy, do bà D vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Vì vậy, mức lãi suất và thời gian tính lãi của bà B là phù hợp theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự; các Điều 15, 18, 21, 22, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hụi, biếu, phường nên được chấp nhận. Tiền lãi mà bà D phải chịu là:  $(60.200.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng) \times 25 \text{ tháng} = 12.591.000 \text{ đồng}$ . Tòa sơ thẩm buộc bà D và ông Lượm E phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Ngô Thị B tổng số tiền nợ hụi gốc và lãi tổng cộng 72.791.000 đồng là có căn cứ. Bà D không kháng cáo bản án sơ thẩm nên xem như thừa nhận nợ, đồng ý bản án sơ thẩm. Ông Lượm E kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý liên đới cùng bà D trả tiền nợ hụi gốc và tiền lãi cho bà B.

[2] Xét kháng cáo của ông Phạm Văn Lượm E, nhận thấy: Bà Lê Thị Thúy D và ông Phạm Văn L Em là vợ chồng hợp pháp, thời gian giao dịch về hụi giữa bà D và bà B thì ông Lượm E vẫn còn sống chung nhà với bà D. Ông Lượm E và bà D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ngoài ra bà D còn từ chối cung cấp lời khai khi Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành lấy lời khai của bà tại nhà nên Tòa án cấp sơ thẩm không ghi nhận được ý kiến trình bày của bà D. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án kèm theo các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn giao nộp để ông Lượm E biết và nêu ý kiến nhưng ông Lượm E không đến Tòa án làm tự khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà D và ông Lượm E không cung cấp được chứng cứ chứng minh về số tiền mà bà D nhận góp hụi từ

bà B là tiền làm ăn kinh tế riêng cũng như không nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Ngoài ra, theo lời trình bày làm chứng của bà Võ Thị H1 và bà Nguyễn Thị L1 thì ông Lượm E (chồng bà D) cũng có đôi lần nhận tiền đóng hộ thay cho bà D.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lượm E cho rằng giữa ông và bà D không có thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung hay tách việc làm ăn kinh tế riêng, độc lập với nhau. Do đó, căn cứ quy định tại các Điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần buộc ông Lượm E có nghĩa vụ liên đới cùng bà D trả nợ cho bà B theo bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ. Ông Lượm E kháng cáo không đồng ý liên đới trả nợ nhưng không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên kháng cáo của ông Lượm E không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn Lượm E. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn L Em phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, ông Phạm Văn L Em là thân nhân liệt sĩ và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên ông Lượm E thuộc trường hợp được miễn nộp án phí phúc thẩm (căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Lượm E;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào các Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 468, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị B về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc bà Lê Thị Thúy D và ông Phạm Văn L Em có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Ngô Thị B tổng số tiền nợ hụi gốc và lãi là 72.791.000 (Bảy mươi hai triệu bảy trăm chín mươi một nghìn đồng). Trong đó: Tiền nợ hụi là 60.200.000 (Sáu mươi triệu hai trăm nghìn đồng) và tiền lãi là 12.591.000 (Mười hai triệu năm trăm chín mươi một nghìn đồng).

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1. Buộc bà Lê Thị Thúy D và ông Phạm Văn L Em phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 3.640.000 (Ba triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

2.2. Bà Ngô Thị B được miễn nộp tiền tạm ứng án phí do thuộc diện người cao tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Phạm Văn Lượm E là thân nhân liệt sĩ nên thuộc trường hợp được miễn án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện Mô Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam (1b);
- Các đương sự (4b);
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký tên và đóng dấu)**

**Phạm Văn Ngọt**